

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN QUỐC TẾ THÁI NGUYÊN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 220 /CV-CTCP

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 03 năm 2022

V/v: Giải trình chênh lệch Kết quả kinh doanh của BCTC đã được kiểm toán năm 2021 so với năm trước và so với báo cáo tự lập

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ vào thực tế của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên (Mã chứng khoán: TNH) giải trình kết quả kinh doanh năm 2021 trên BCTC đã được kiểm toán so với BCTC năm trước đã được kiểm toán như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2021 đã được kiểm toán so với năm trước:

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	412.425.997.419	335.604.966.911	76.821.030.508	23%
Giá vốn hàng bán	201.756.659.500	179.917.170.816	21.839.488.684	12%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.669.337.919	155.687.796.095	54.981.541.824	35%
Doanh thu hoạt động tài chính	11.760.972	7.948.015	3.812.957	48%
Chi phí tài chính	42.003.818.929	28.382.574.462	13.621.244.467	48%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>41.096.138.929</i>	<i>28.198.934.462</i>	<i>12.897.204.467</i>	<i>46%</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.997.444.849	15.198.967.720	6.798.477.129	45%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	146.679.835.113	112.114.201.928	34.565.633.185	31%
Thu nhập khác	200.886.377	10.051.234	190.835.143	1899%
Chi phí khác	40.000.000	145.134.170	-105.134.170	-72%
Lợi nhuận khác	160.886.377	(135.082.935)	295.969.313	-219%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	146.840.721.490	111.979.118.993	34.861.602.498	31%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.116.352.488	3.009.944.092	1.106.408.396	37%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	142.724.369.002	108.969.174.901	33.755.194.102	31%

Nguyên nhân biến động:

Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 31% do lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 31% và chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 37%. Nguyên nhân chủ yếu do Doanh thu tăng 23% trong khi giá

vốn chỉ tăng 12% nên lợi nhuận gộp tăng 35%. Các chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt là 46% và 45%. Năm 2021 Công ty hoàn thành giai đoạn 2 dự án bệnh viện nên quy mô hoạt động được mở rộng hơn trước dẫn đến doanh thu tăng mạnh, giá vốn và các chi phí khác được tiết kiệm tối đa dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty tăng lên 31%.

Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán so với báo cáo tự lập

Báo cáo kết quả kinh doanh

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số sau kiểm toán	Chênh lệch
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	146.830.944.264	146.840.721.490	9.777.226
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.950.710.441	4.116.352.488	(834.357.953)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	141.880.233.823	142.724.369.002	844.135.179

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 9.777.226 VND do có thay đổi nhỏ doanh thu và chi phí sau kiểm toán so với số đã báo cáo của Công ty, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 834.357.953 VND do Công ty và Kiểm toán viên xác định lại thu nhập được ưu đãi thuế tăng lên dẫn đến số thuế TNDN hiện hành giảm. Do đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 844.135.179 VND.

Bảng cân đối kế toán

ĐVT: VNĐ

Nội dung	Số đã báo cáo	Số sau kiểm toán	Chênh lệch
Các khoản phải thu ngắn hạn	47.689.566.376	47.911.598.876	222.032.500
Nợ ngắn hạn	167.768.407.796	259.155.426.766	91.387.018.970
Nợ dài hạn	338.546.600.349	246.537.120.349	(92.009.480.000)
LNST chưa phân phối kỳ này	141.880.233.823	142.724.369.002	844.135.179
Tổng Tài sản (Tổng nguồn vốn)	1.285.697.453.275	1.285.919.127.424	221.674.149

Tổng tài sản (tổng nguồn vốn) tăng 221.674.147 VND sau kiểm toán do Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 220.032.500 VND, phải thu khách hàng tăng 9.101.760.075 VND và trả trước cho người bán ngắn hạn giảm 8.900.000.000 VND do hạch toán nhầm đối tượng. Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn chênh lệch là do Công ty và Kiểm toán viên phân loại lại khoản nợ dài hạn thành nợ

ngắn hạn (nợ dài hạn đến hạn trả) là 92.009.480.000 VND và thuế và các khoản phải nộp nhà nước giảm 622.411.030 VND. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng lên do thuế thu nhập doanh nghiệp giảm.

Lưu chuyển tiền tệ

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo	Số sau kiểm toán	Chênh lệch
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	272.308.892.503	304.549.945.228	32.241.052.725
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(156.493.701.937)	(188.734.754.663)	(32.241.052.726)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng 32.241.052.725 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư giảm 32.241.052.726 VND trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán so với tự lập là do Công ty và Kiểm toán viên xác định lại tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD (để b/c)
- Lưu: VT, QT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

